

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH DỊCH VỤ

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

1. Nhận biết

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Hệ thống đường sắt đã được mở rộng và hiện đại hóa.
- B. Về cơ bản, mạng lưới đường ô tô đã phủ kín các vùng.
- C. Giao thông biển có nhiều điều kiện phát triển thuận lợi.
- D. Vận chuyển bằng đường ống ngày càng được phát triển.

Câu 2. Ngành viễn thông nước ta hiện nay có

- A. dịch vụ ít, chủ yếu phục vụ các cơ quan.
- B. có truyền thống lâu đời, dịch vụ đa dạng.
- C. tốc độ tăng trưởng cao, kỹ thuật hiện đại.
- D. nhiều công nghệ mới, phân bố chưa rộng.

Câu 3. Hoạt động ngoại thương nước ta hiện nay có

- A. chỉ có quan hệ buôn bán với ASEAN.
- B. hàng nhập khẩu chủ lực là thủy sản.
- C. trị giá xuất khẩu luôn nhỏ hơn nhập khẩu.
- D. trị giá nhập khẩu tăng liên tục qua các năm.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành du lịch ở nước ta hiện nay

- A. phát triển nhanh từ những năm 90 của thế kỉ XX.
- B. cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch ít cải thiện.
- C. chưa chú trọng đến phát triển du lịch thông minh.
- D. thị trường khách du lịch quốc tế chưa đa dạng.

Câu 5. Tuyến đường biển nội địa quan trọng nhất nước ta hiện nay

- A. Đà Nẵng – Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Hải Phòng – Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Huế – Hải Phòng.
- D. Đà Nẵng – Hải Phòng.

Câu 6. Mạng lưới bưu chính viễn thông ở nước ta hiện nay

- A. phân bố rộng khắp cả nước.
- B. chỉ tập trung ở các đô thị lớn.
- C. phân bố đồng đều ở ven biển.
- D. khu vực đồi núi có mật độ cao.

Câu 7. Các vùng có doanh thu hoạt động nội thương lớn là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long, Trung du và miền núi phía Bắc.
- B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
- D. Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng.

Câu 8: Nhận định nào sau đây **không đúng** với tình hình phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Là ngành kinh tế mũi nhọn.
- B. Sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng.
- C. Phân bố chủ yếu ở các vùng đồi núi.

D. Đã hình thành được các điểm du lịch.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành du lịch nước ta?

A. Thị trường khách quốc tế kém đa dạng.

B. Số lượt khách nội địa ít hơn lượt khách quốc tế.

C. Số lượt khách quốc tế đến nước ta có xu hướng giảm.

D. Doanh thu ngành du lịch có xu hướng tăng.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với tình hình phát triển ngành du lịch ở nước ta hiện nay?

A. Các loại hình và sản phẩm du lịch đa dạng.

B. Du lịch tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế.

C. Ngành du lịch phát triển nhanh từ đầu thế kỉ XIX đến nay.

D. Cơ sở hạ tầng, vật chất – kĩ thuật du lịch ngày càng hoàn thiện.

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về tài nguyên du lịch ở nước ta?

A. Bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hoá.

B. Đã được khai thác triệt để và mang lại giá trị cao.

C. Tương đối phong phú, đa dạng và trải khắp cả nước.

D. Là yếu tố cơ bản để xây dựng các điểm và khu du lịch.

Câu 12: Nước ta có điều kiện thuận lợi chủ yếu nào để phát triển du lịch?

A. Cơ sở vật chất kĩ thuật ngành du lịch đạt tiêu chuẩn cao.

B. Tài nguyên du lịch đa dạng, nhiều địa điểm hấp dẫn.

C. Công tác quảng bá du lịch thực hiện thường xuyên.

D. Lao động ngành du lịch có trình độ chuyên môn rất cao.

Câu 13: Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào

A. sự phân bố dân cư.

B. sự phân bố các ngành sản xuất.

C. sự phân bố các tài nguyên du lịch.

D. sự phân bố các trung tâm thương mại.

Câu 14: Di sản nào sau đây **không phải** là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới tại Việt nam?

A. Di sản Nhã nhạc cung đình Huế.

B. Văn hóa Cồng chiêng Tây nguyên.

C. Quần thể kiến trúc cổ đô Huế.

D. Di sản hát quan họ Bắc Ninh.

Câu 15: Khu du lịch quốc gia Sa Pa thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Sơn La.

B. Tuyên Quang.

C. Lào Cai.

D. Điện Biên.

Câu 16: Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà là di sản thiên nhiên thế giới của nước ta hiện nay thuộc tỉnh/thành phố

A. Quảng Ninh - Hải Phòng.

B. Tuyên Quang - Lào Cai.

C. Hải Phòng - Ninh Bình.

D. Quảng Trị - Huế.

Câu 17: Các di sản thiên nhiên thế giới ở nước ta hiện nay là

A. Quần thể di tích Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà.

B. Đô thị cổ Hội An, Phong Nha - Kẻ Bàng.

C. Vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà, Phong Nha - Kẻ Bàng.

D. Đô thị cổ Hội An, Quần thể di tích Cố đô Huế.

Câu 18: Hoạt động du lịch của nước ta hiện nay

- A. có loại hình ngày càng đa dạng.
- B. hoàn toàn do tư nhân thực hiện.
- C. tập trung chủ yếu ở các hải đảo.
- D. hầu hết chỉ có du khách nội địa.

Câu 19: Vùng kinh tế nào ở nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất cho phát triển du lịch biển?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du và miền núi phía Bắc.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 20: Đâu **không** phải là loại hình du lịch nổi bật của nước ta?

- A. Du lịch biển đảo.
- B. Du lịch văn hoá.
- C. Du lịch sinh thái.
- D. Du lịch thực tế ảo.

Câu 21: Nhân tố nào sau đây là yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ?

- A. Vị trí địa lí.
- B. Chính sách.
- C. Khí hậu.
- D. Hệ động - thực vật.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây đúng với mạng lưới đường sắt nước ta hiện nay?

- A. Tập trung ở phía Bắc.
- B. Phân bố đều ở các vùng.
- C. Tập trung ở phía Nam.
- D. Chỉ có tuyến bắc - nam.

Câu 23: Các thị trường nhập khẩu hàng hóa chủ yếu ở nước ta trong những năm gần đây là

- A. Khu vực Mỹ Latinh và Châu Đại Dương.
- B. Khu vực Tây Nam Á và ASEAN.
- C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.
- D. Khu vực ASEAN và châu Phi.

Câu 24: Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện nay

- A. có thị trường chủ yếu là ở châu Phi.
- B. thị trường ngày càng đa dạng hơn.
- C. rất ít thành phần kinh tế tham gia.
- D. các mặt hàng chủ đạo là máy móc.

Câu 25: Nội thương của nước ta hiện nay

- A. có thị trường chính ở các vùng núi.
- B. hoàn toàn do Nhà nước đảm nhiệm.
- C. phát triển đồng đều giữa các vùng.
- D. sản phẩm hàng hóa trao đổi đa dạng.

Câu 26: Hoạt động nhập khẩu của nước ta hiện nay

- A. phân bố đồng đều ở các địa phương.
- B. hoàn toàn phụ thuộc kinh tế tư nhân.
- C. chỉ tập trung vào mặt hàng tiêu dùng.
- D. thị trường ngày càng mở rộng.

Câu 27: Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển và phân bố của ngành ngoại thương ở nước ta hiện nay?

- A. Khoáng sản là mặt hàng xuất khẩu chủ lực ở nước ta.
- B. Thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu là trong khu vực Đông Nam Á.
- C. Đang chú trọng vào việc nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng cơ bản.
- D. Tư liệu sản xuất là nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu hiện nay ở nước ta.

Câu 28: Nhận định nào sau đây đúng về ngành nội thương của nước ta hiện nay?

- A. Có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.
- B. Phát triển chủ yếu dựa vào doanh nghiệp Nhà nước.
- C. Chỉ xuất hiện ở các vùng đồng bằng, ven biển.
- D. Phụ thuộc chủ yếu từ nguồn vốn của Nhà nước.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.
- B. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.

C. Các loại hình vận tải rất đa dạng. D. Các ngành đều phát triển rất nhanh.

Câu 30. Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành bưu chính nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới phân bố rộng rãi. B. Tốc độ phát triển rất chậm.
C. Doanh thu ngày càng giảm mạnh. D. Đã đáp ứng yêu cầu phát triển.

Câu 31. Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành viễn thông nước ta hiện nay?

- A. Sử dụng nhiều công nghệ lạc hậu. B. Chỉ phát triển ở các thành phố lớn.
C. Chủ yếu phát triển mạng điện thoại. D. Phát triển với tốc độ khá nhanh.

Câu 32. Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành viễn thông nước ta hiện nay?

- A. Phân bố tập trung ở miền núi. B. Chủ yếu lao động phổ thông.
C. Chỉ phục vụ cho kinh doanh. D. Mạng lưới phát triển đa dạng.

Câu 33. Ngành hàng không nước ta hiện nay

- A. chủ yếu vận chuyển hàng hóa. B. chỉ phục vụ mục đích du lịch.
C. được đầu tư về cơ sở vật chất. D. hoàn toàn do tư nhân quản lí.

Câu 34. Hoạt động viễn thông của nước ta hiện nay

- A. chỉ phục vụ cho cơ sở sản xuất trong nước. B. Phát triển đồng đều ở các vùng.
C. ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ. D. Có trình độ công nghệ chưa cao.

Câu 35. Tuyến đường bộ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của dải đất phía tây nước ta là

- A. quốc lộ 1. B. quốc lộ 7. C. quốc lộ 9. D. đường Hồ Chí Minh.

Câu 36. Đặc điểm nào sau đây đúng với vận tải đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới đã phủ kín khắp cả nước. B. Chỉ tham gia vận chuyển hành khách.
C. Chưa phát triển các tuyến đường cao tốc. D. Toàn bộ các tuyến theo hướng bắc – nam.

Câu 37. Hai trục đường bộ xuyên quốc gia có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước là

- A. quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh. B. quốc lộ 1 và quốc lộ 14.
C. quốc lộ 279 và đường Hồ Chí Minh. D. đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 8.

Câu 38. Tuyến giao thông vận tải đường biển ven bờ theo hướng bắc – nam quan trọng nhất nước ta là

- A. Hải Phòng – Đà Nẵng. B. Hải Phòng – TP. Hồ Chí Minh.
C. Đà Nẵng – TP. Hồ Chí Minh. D. Quảng Ninh - Đà Nẵng.

Câu 39. Là loại hình giao thông quan trọng nhất ở nước ta, phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng là

- A. Đường bộ. B. Đường biển.
C. Đường sắt. D. Đường hàng không.

Câu 41. Vận tải đường thủy nội địa chủ yếu tập trung trên hệ thống sông?

- A. sông Mê Công - sông Xê Xan. B. sông Hồng - sông Đà.
C. sông Mê Công - sông Đồng Nai. D. sông Thái Bình - sông Mã.

Câu 42. Đặc điểm nào sau đây đúng với vận tải đường thủy nội địa nước ta hiện nay?

- A. Phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng. B. Phát triển mạnh ở khu vực miền Trung.
C. Khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất. D. Vận chuyển tốc độ nhanh, chi phí cao.

Câu 1. Vai trò của ngành dịch vụ đối với phát triển kinh tế là

- A. góp phần bảo vệ môi trường.
- B. giải quyết việc làm.
- C. thúc đẩy các ngành sản xuất.
- D. nâng cao đời sống văn minh.

Câu 2. Tác động chủ yếu khoa học công nghệ đến ngành dịch vụ nước ta là

- A. thúc đẩy các loại hình dịch vụ tiêu dùng.
- B. làm xuất hiện các loại hình dịch vụ mới.
- C. thúc đẩy phát triển thương mại quốc tế.
- D. tạo nên sự đa dạng về sản phẩm dịch vụ.

Câu 3. Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. về nguồn, du lịch biên giới, du lịch thể thao, khám phá.
- B. nghỉ dưỡng núi, du lịch biên giới, du lịch văn hóa, lễ hội.
- C. du lịch sinh thái, du lịch biển đảo, du lịch văn hóa, lễ hội.
- D. du lịch biên giới, du lịch MICE, du lịch thể thao, mua sắm.

Câu 4. Hoạt động ngoại thương của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. chính sách mở cửa, hội nhập sâu rộng.
- B. xuất khẩu nhiều mặt hàng công nghiệp nặng.
- C. chú trọng các thị trường châu Phi.
- D. phát triển mạnh giao thông đường bộ.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải đường ô tô nước ta?

- A. Cả nước đã hình thành nhiều đầu mối giao thông.
- B. Chưa kết nối vào hệ thống đường bộ trong khu vực.
- C. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- D. Mạng lưới ngày càng được nâng cấp và mở rộng.

Câu 6: Sự phân hóa lãnh thổ du lịch nước ta phụ thuộc chủ yếu vào các nhân tố nào sau đây ?

- A. Số lượng du khách đến tham quan.
- B. Vị trí địa lí và tài nguyên du lịch.
- C. Tiềm năng du lịch ở các vùng xa.
- D. Chất lượng đội ngũ trong ngành.

Câu 7: Sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào sự phân bố của

- A. địa hình.
- B. các ngành sản xuất.
- C. tài nguyên du lịch.
- D. mức sống dân cư.

Câu 8: Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng loại hình du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Tài nguyên du lịch và nhu cầu của du khách trong, ngoài nước.
- B. Nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và điều kiện phục vụ.
- C. Định hướng ưu tiên phát triển du lịch và các nguồn vốn đầu tư.
- D. Lao động làm du lịch và cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng.

Câu 9: Khó khăn của khí hậu đối với hoạt động du lịch ở nước ta là

- A. nhiệt độ cao và số giờ nắng nhiều.
- B. phân hóa thiên nhiên theo độ cao
- C. nhiều thiên tai và khí hậu phân mùa.
- D. phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây.

Câu 10: Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là

- A. ven biển có nhiều vịnh biển kín, nhiều cửa sông.
- B. có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.
- C. vùng biển có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú.
- D. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

Câu 11: Hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam ở nước ta có thể diễn ra quanh năm do

- A. giá dịch vụ khá thấp.
- B. nhiều bãi tắm đẹp.
- C. cơ sở lưu trú hiện đại.
- D. không có mùa đông lạnh.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

- A. Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất. B. Mở nhiều chuyến bay thẳng đến các nước.
C. Có tốc độ phát triển và hiện đại hóa nhanh. D. Góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 17: Du lịch biển vùng Nam Trung Bộ phát triển hơn các vùng khác do

- A. có nhiều bãi tắm đẹp. B. dân cư kinh nghiệm.
C. nguồn đầu tư rất lớn. D. vị trí địa lí thuận lợi.

Câu 19: Vùng Đông Nam Bộ có sản phẩm du lịch đặc trưng nào sau đây?

- A. Du lịch sinh thái, văn hoá sông nước miệt vườn.
B. Du lịch sông nước, tìm hiểu bản sắc văn hoá các dân tộc.
C. Du lịch văn hoá, lễ hội giải trí và nghỉ dưỡng biển.
D. Du lịch thể thao, tham quan hệ sinh thái cao nguyên.

Câu 20: Hình thức du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. du lịch sinh thái. B. du lịch nghỉ dưỡng.
C. du lịch mạo hiểm. D. du lịch thể thao.

Câu 21: Số lượt khách du lịch nội địa trong các năm qua tăng nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Chất lượng phục vụ tốt hơn. B. Cơ sở vật chất được tăng cường.
C. Sản phẩm du lịch này đa dạng. D. Mức sống nhân dân được nâng cao.

Câu 22: Hạn chế lớn nhất trong phát triển du lịch quốc tế ở nước ta hiện nay là

- A. thiên tai thường xuyên xảy ra. B. sản phẩm du lịch chưa đa dạng.
C. cơ sở hạ tầng còn yếu kém. D. môi trường tự nhiên bị ô nhiễm.

Câu 23: Số lượt khách du lịch của nước ta trong thời gian gần đây tăng lên chủ yếu do

- A. tài nguyên du lịch được phân loại, các cơ sở lưu trú được đầu tư xây dựng mới.
B. nâng cao trình độ lực lượng lao động, tăng cường mạng lưới giao thông vận tải.
C. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài, hình thành nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp.
D. chất lượng cuộc sống được nâng cao, các hoạt động quảng bá được đẩy mạnh.

Câu 25: Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho du lịch biển - đảo nước ta ngày càng phát triển?

- A. Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, giao thông thuận lợi.
B. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt hơn, nhu cầu du lịch ngày càng tăng.
C. Khí hậu nhiệt đới, số giờ nắng cao, có đảo, quần đảo, bãi biển đẹp.
D. Dân số đông, lao động trong ngành du lịch dồi dào, đã qua đào tạo.

Câu 29: Ý nghĩa lớn nhất của hoạt động nhập khẩu đối với phát triển kinh tế - xã hội nước ta là

- A. cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.
B. thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ.
C. góp phần nâng cao trình độ văn minh xã hội.
D. tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 33: Vùng Đồng bằng sông Hồng có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vào loại cao nhất cả nước chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Hoạt động xuất khẩu diễn ra mạnh, dân cư đông đúc, vốn đầu tư rất lớn.
B. Kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống cao, có nhiều chợ lớn, siêu thị.
C. Có mật độ dân số cao, vốn đầu tư rất lớn, nhiều tài nguyên khoáng sản.

D. Vốn đầu tư lớn, nhiều tài nguyên khoáng sản, xuất khẩu nhiều hàng hóa.

Câu 34. Hàng tiêu dùng chiếm tỉ trọng nhỏ trong hàng nhập khẩu chủ yếu là do

- A. giá trị hàng hóa và thuế nhập khẩu rất cao. **B.** sản xuất trong nước đáp ứng được nhu cầu.
C. thị trường phân bố xa, khó khăn vận chuyển. **D.** thị trường nhập khẩu hàng nay khan hiếm.

Câu 36. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò của ngành dịch vụ trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?

- A. Góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
B. Sản xuất ra các mặt hàng có giá trị phục vụ xuất khẩu.
C. Tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.
D. Thúc đẩy sự phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp.

Câu 37. Đối với lĩnh vực xã hội, ngành dịch vụ **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
B. Nâng cao thu nhập cho người lao động.
C. Nâng cao đời sống văn hoá, văn minh cho xã hội.
D. Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác.

Câu 38. Nhóm nhân tố giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ ở nước ta là

- A. vị trí địa lí. **B.** điều kiện tự nhiên.
C. tài nguyên thiên nhiên. **D.** điều kiện kinh tế – xã hội.

Câu 40. Đặc điểm về hình thái, cấu trúc địa hình và cảnh quan nước ta đa dạng, phong phú là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

- A.** Du lịch. **B.** Giao thông vận tải.
C. Thương mại. **D.** Bru chính viễn thông.

Câu 42. Những nơi có nền địa hình cao và khí hậu mát mẻ thuận lợi cho phát triển loại hình du lịch nào sau đây?

- A. Du lịch mạo hiểm. **B.** Du lịch mua sắm.
C. Du lịch kết hợp hội thảo. **D.** Du lịch nghỉ dưỡng.

Câu 45. Nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ tới việc xuất hiện các loại hình dịch vụ mới (ngân hàng, viễn thông,...) ở nước ta hiện nay là

- A.** khoa học – công nghệ. **B.** vị trí địa lí.
C. tài nguyên thiên nhiên. **D.** mức sống của dân cư.

Câu 47. Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Chưa kết nối với các quốc gia trong khu vực.
B. Chủ yếu phục vụ nhu cầu đi lại của dân cư.
C. Có nhiều tuyến cao tốc đã được xây dựng.
D. Các đầu mối giao thông phủ khắp các vùng.

Câu 53. Mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta còn chậm phát triển chủ yếu là do

- A. điều kiện tự nhiên không thuận lợi. **B.** thiếu các nguồn vốn đầu tư.
C. dân cư phân bố không đồng đều. **D.** trình độ công nghiệp hoá còn thấp.

Câu 54. Sự phân mùa sâu sắc của khí hậu ảnh hưởng lớn nhất đến loại hình vận tải nào?

- A. Đường biển. **B.** Đường sông. C. Đường ô tô. **D.** Đường sắt.

Câu 57. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu thúc đẩy việc phát triển giao thông vận tải biển nước ta hiện nay?

- A. Hội nhập toàn cầu sâu, rộng. B. Vùng biển rộng, bờ biển dài.
C. Hoạt động du lịch phát triển. D. Nhiều vũng, vịnh sâu, kín gió.

Câu 59. Ngành vận tải đường biển nước ta có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn chủ yếu là do

- A. có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển.
B. nước ta có đội tàu buôn lớn lại được trang bị hiện đại.
C. vận tải đường biển có phạm vi rộng và đường dài.
D. ngoại thương phát triển mạnh, xuất nhập khẩu lớn.

Câu 60. Khó khăn cho sự phát triển vận tải đường sông ở nước ta là

- A. trang bị các cảng sông và phương tiện nghèo nàn.
B. các phương tiện vận tải ít được đầu tư, cải tiến.
C. các luồng lạch bị sa bồi và thay đổi thất thường.
D. tổng năng lượng bốc xếp của các cảng còn thấp.

Câu 67. Các loại hình giao thông vận tải nào sau đây ở nước ta có nhiều lợi thế trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới?

- A. Đường bộ và đường hàng không. B. Đường hàng không và đường biển.
C. Đường biển và đường sắt. D. Đường bộ và đường thủy nội địa.

Câu 68. Đặc điểm nào sau đây đúng với vận tải đường sắt nước ta hiện nay?

- A. Phát triển mạnh tuyến hướng tây - đông.
B. Mạng lưới đã phủ kín khắp các vùng.
C. Đã xây dựng được nhiều tuyến vận tải mới.
D. Phương tiện đang được đầu tư, hiện đại hoá.

Câu 70. Đặc điểm nào sau đây đúng với vận tải đường thủy nội địa nước ta hiện nay?

- A. Phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng.
B. Khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất.
C. Phát triển mạnh ở khu vực miền Trung.
D. Vận chuyển tốc độ nhanh, chi phí còn cao.

Câu 72. Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc nước ta có vai trò đặc biệt quan trọng là do

- A. kinh tế - xã hội đang phát triển theo chiều rộng.
B. nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa.
C. sự mở cửa, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường.
D. đời sống của nhân dân đang dần được ổn định.

Câu 73. Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN
2005 - 2024**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Vận chuyển	2005	2010	2015	2020	2024

Hàng hóa trong nước	65,0	121,6	130,2	180,7	227,9
Hàng hóa quốc tế	46,0	68,5	99,4	91,7	215,9

(Nguồn: gso.gov.vn)

Phát biểu nào sau đây đúng với khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không của nước ta giai đoạn 2005 - 2024?

- A. Khối lượng hàng hóa vận chuyển trong nước tăng nhiều hơn hàng hóa quốc tế.
- B. Khối lượng hàng hóa vận chuyển trong nước luôn ít hơn hàng hóa quốc tế.
- C. Khối lượng hàng hóa vận chuyển quốc tế tăng chậm hơn hàng hóa trong nước.
- D. Khối lượng hàng hóa vận chuyển trong nước chiếm tỉ trọng cao hơn hàng hóa quốc tế.

Câu 77. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với hoạt động nội thương nước ta?

- A. Có nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- B. Mạng lưới phân bố rộng khắp cả nước.
- C. Phân bố đồng đều giữa các vùng.
- D. Thương mại điện tử ngày càng phát triển.

Câu 78. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm phát triển hoạt động nội thương ở nước ta hiện nay?

- A. Hàng hóa lưu thông trên thị trường ngày càng đa dạng.
- B. Hàng hóa xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới.
- C. Mạng lưới nội thương phân bố rộng khắp cả nước.
- D. Thúc đẩy sự phát triển của các ngành sản xuất hàng hóa.

Câu 83. Đặc điểm nào sau đây đúng với hoạt động ngoại thương của nước ta hiện nay?

- A. Trị giá đang có xu hướng giảm nhanh.
- B. Hàng hoá trao đổi phong phú, đa dạng.
- C. Chỉ tập trung vào thị trường truyền thống.
- D. Trị giá nhập khẩu luôn cao hơn xuất khẩu.

Vận dụng

Câu 1. Hoạt động du lịch ở nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

- A. nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia, thị trường mở rộng.
- B. sản xuất tăng trưởng nhanh, tài nguyên đa dạng phong phú.
- C. chất lượng cuộc sống nâng cao, chính sách phát triển hợp lí.
- D. hội nhập quốc tế sâu rộng, đẩy mạnh liên kết với nước ngoài.

Câu 2. Hoạt động ngoại thương nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống nâng cao.
- B. thị trường được mở rộng, nhiều thành phần tham gia
- C. nhu cầu tiêu dùng tăng, đẩy mạnh liên kết nước ngoài.
- D. kinh tế tăng trưởng nhanh, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Câu 3. Hoạt động nội thương nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống nâng cao.
- B. thị trường được mở rộng, nhiều thành phần tham gia
- C. nhu cầu tiêu dùng tăng, đẩy mạnh liên kết nước ngoài.
- D. kinh tế tăng trưởng nhanh, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Câu 4. Ngành du lịch ở nước ta phát triển theo hướng bền vững chủ yếu do

- A. đáp ứng các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường.
- B. đảm bảo lợi ích hài hòa lợi ích của các thành phần kinh tế tham gia.
- C. tài nguyên du lịch của nước ta rất phong phú và đa dạng.
- D. cơ sở vật chất ngành du lịch ngày càng phát triển hiện đại.

Câu 6. Ngành viễn thông của nước ta phát triển nhanh chủ yếu do

- A. kinh tế phát triển, mức sống tăng, cách mạng khoa học – công nghệ.
- B. chất lượng cuộc sống tăng, hội nhập, thu hút nguồn vốn đầu tư lớn.
- C. tăng cường hợp tác quốc tế, chất lượng cuộc sống tăng, vốn đầu tư.
- D. cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch, ngoại thương phát triển vượt bậc.

Câu 14: Cho bảng số liệu sau:

DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH THEO GIÁ HIỆN HÀNH PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2018 - 2024

Năm	2018	2020	2022	2024
Tổng số	40,3	16,5	43,5	79,0
Kinh tế Nhà nước	5,1	1,5	2,7	1,7
Kinh tế ngoài Nhà nước	30,5	13,3	39,7	68,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4,7	1,7	1,1	8,4

(Nguồn: Cục thống kê, 2022 và 2024)

Để thể hiện cơ cấu doanh thu du lịch lữ hành theo giá hiện hành phân theo loại hình kinh tế ở nước ta giai đoạn 2018 - 2024, vẽ biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ kết hợp.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ đường.
- D. Biểu đồ miền.

Câu 20. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho giao thông vận tải biển nước ta hiện nay phát triển mạnh?

- A. Vùng biển có diện tích rộng, thông với Thái Bình Dương.
- B. Vị trí ở gần các tuyến hàng hải quốc tế, nhiều vũng, vịnh.
- C. Có nhiều tỉnh giáp biển, lượng hàng hóa vận chuyển tăng.
- D. Sản xuất phát triển, đẩy mạnh hoạt động ngoại thương.

PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2024
Tổng trị giá xuất nhập khẩu	157,0	327,7	545,4	786,9
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	405,9
Nhập khẩu	84,8	165,7	262,8	381,0

(Nguồn: Cục thống kê, 2022 và 2024)

- a) Tổng trị giá xuất nhập khẩu nước ta liên tục tăng trong giai đoạn 2010 - 2024. **Biết**
- b) Cán cân thương mại nước ta xuất siêu trong năm 2020 và năm 2024. **Vận dụng**

c) Giá trị xuất khẩu luôn cao hơn giá trị nhập khẩu trong giai đoạn 2010 - 2024. **Biết**

d) Giai đoạn 2010 - 2020 giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn giá trị nhập khẩu. **Hiểu**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	Đ	S	Đ

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH THEO GIÁ HIỆN HÀNH PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2018 - 2024

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2018	2020	2022	2024
Tổng số	40,3	16,5	43,5	79,0
Kinh tế Nhà nước	5,1	1,5	2,7	1,7
Kinh tế ngoài Nhà nước	30,5	13,3	39,7	68,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4,7	1,7	1,1	8,4

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022 và 2024)

a) Tổng doanh thu du lịch nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2018 - 2024. **Biết**

b) Kinh tế ngoài Nhà nước luôn có doanh thu thấp nhất trong các loại hình kinh tế. **Biết**

c) Doanh thu khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng chậm hơn khu vực ngoài Nhà nước. **Hiểu**

d) Giai đoạn 2018 - 2024 doanh thu khu vực ngoài Nhà nước tăng nhiều hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	S	S	Đ	Đ

Câu 3. Cho thông tin sau:

Hoạt động du lịch nước ta phát triển nhanh từ thập niên 90 của thế kỉ XX đến nay. Du lịch trở thành một nhu cầu trong đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Tài nguyên du lịch phong phú là cơ sở tạo nên các sản phẩm du lịch khác nhau giữa các vùng. Số lượt khách và doanh thu du lịch không ngừng tăng; nhiều loại hình du lịch mới ra đời gắn với tăng trưởng xanh.

a) Hoạt động du lịch ở nước ta hình thành từ năm 1990 của thế kỉ XX. **Biết**

b) Các loại hình du lịch sinh thái chỉ tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng. **Hiểu**

c) Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do tài nguyên du lịch tự nhiên rất đa dạng. **Hiểu**

d) Xu hướng phát triển du lịch bền vững diễn ra ở nhiều vùng kinh tế của nước ta hiện nay. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	S	S	S	Đ

Câu 4. Cho thông tin sau:

Giữa du lịch với sự phát triển bền vững có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Du lịch tác động tổng hợp đến sự phát triển kinh tế – xã hội, môi trường. Sự phát triển du lịch một cách hợp lí sẽ góp

phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Ngược lại, sự phát triển bền vững giúp hoạt động du lịch diễn ra hiệu quả, lâu dài.

a) Phát triển du lịch góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế khác. **Hiểu**

b) Phát triển du lịch góp phần tạo nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương, nâng cao đời sống văn hoá của người dân. **Hiểu**

c) Sự phát triển du lịch hợp lí góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá của dân tộc, bảo tồn cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học,... **Hiểu**

d) Sự phát triển mạnh của ngành du lịch là nguyên nhân chủ yếu làm cho tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt và ô nhiễm môi trường. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	Đ	Đ	S

Câu 5. Cho bảng số liệu sau:

Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển bằng đường bộ ở nước ta giai đoạn 2010 – 2024

Năm Tiêu chí	2010	2015	2020	2024
Khối lượng hàng hóa vận chuyển (triệu tấn)	587,0	882,6	1282,1	2029,9
Khối lượng hàng hóa luân chuyển (tỉ tấn.km)	36,2	51,5	73,5	117,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022 và năm 2024)

- a) Khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng qua các năm ở giai đoạn 2010 2024. **Biết**
- b) Khối lượng hàng hóa luân chuyển giảm qua các năm ở giai đoạn 2010 2024. **Biết**
- c) Giai đoạn 2010 - 2024 khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng 1442,9 triệu tấn và khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng 88,0 tỉ tấn.km. **Hiểu**

d) Khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng nhanh hơn khối lượng hàng hóa luân chuyển. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	S	S	Đ

Câu 6. Cho thông tin sau:

Mạng lưới giao thông vận tải phân bố rộng khắp và kết nối với một số tuyến đường quốc tế, như đường sắt, đường bộ xuyên Á,... Các đầu mối giao thông lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành cửa ngõ quốc tế, tăng cường khả năng hội nhập của đất nước.

a) Nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải như đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không. **Biết**

b) Vị trí nước ta nằm gần đường hàng hải quốc tế, đường bờ biển dài, có nhiều vũng vịnh là điều kiện thuận lợi cho giao thông đường biển. **Hiểu**

c) Khí hậu của nước ta có sự phân mùa tạo điều kiện cho giao thông vận tải có điều kiện hoạt động đa dạng quanh năm. **Hiểu**

d) Hoạt động giao thông vận tải góp phần quan trọng trực tiếp trong việc phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	Đ	S	S

Câu 7. Cho thông tin sau:

Trong những năm gần đây, dịch vụ vận tải ngày càng đa dạng, chất lượng được nâng cao, nhiều loại hình giao thông vận tải kết nối giữa các vùng trong nước, cũng như với các quốc gia và khu vực trên thế giới. Khối lượng hàng hoá, hành khách vận chuyển, luân chuyển có xu hướng tăng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

a) Nền kinh tế phát triển nhanh tạo thuận lợi cho tất cả các loại hình giao thông của nước ta được đẩy mạnh. **Hiểu**

b) Khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng lên chủ yếu do sự phát triển của các ngành kinh tế và đời sống của nhân dân. **Hiểu**

c) Vận tải đường biển và đường hàng không được đẩy mạnh mang lại ý nghĩa quan trọng trong quá trình hội nhập của nước ta. **Hiểu**

d) Giao thông đường bộ và đường sắt ở nước ta đã kết nối với tất cả các nước trong khu vực.

Vận dụng

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	Đ	Đ	S

Câu 8. Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường bộ có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, kết nối các trung tâm hành chính, kinh tế, cảng biển, sân bay, cửa khẩu, các đầu mối giao thông... và đã phủ kín khắp cả nước. Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo vĩ độ và hẹp ngang nên đã hình thành hai tuyến trục chính là Bắc - Nam và Đông - Tây.

a) Tuyến giao thông đường bộ quan trọng nhất theo chiều Bắc - Nam của nước ta là quốc lộ số 1. **Biết**

b) Ngành giao thông đường bộ của nước ta được ưu tiên phát triển do mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. **Hiểu**

c) Các tuyến giao thông theo chiều Đông - Tây kết nối với các cửa khẩu giúp mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế. **Hiểu**

d) Phát triển giao thông đường bộ ở các vùng núi, vùng sâu, vùng xa nhằm mục đích chính là phục vụ nhu cầu di dân. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	Đ	Đ	S

Câu 9. Cho thông tin sau:

Ngành viễn thông ở nước ta và thế giới không ngừng phát triển với những xu hướng mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Các dịch vụ viễn thông nước ta ngày càng đa dạng và có sự ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học - công nghệ, nhất là trong lĩnh vực kết nối internet, hệ thống cáp quang,.... Mạng lưới viễn thông nước ta phát triển rộng khắp cả nước.

- a) Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng viễn thông là một trong những mục tiêu quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới, cũng như đối với nước ta. **Hiểu**
- b) Hiện nay, viễn thông Việt Nam chủ yếu tập trung khôi phục và đẩy mạnh các lĩnh vực kinh doanh truyền thống. **Hiểu**
- c) Viễn thông Việt Nam đang hướng đến ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học - công nghệ và phát triển rộng khắp. **Biết**
- d) Mạng lưới viễn thông nước ta phát triển mạnh, tập trung cao tại khu vực thành thị và khu vực nông thôn. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	S	Đ	S

Câu 10. Cho thông tin sau:

Việt Nam là một quốc gia có đường bờ biển dài hơn 3260 km với 21/34 tỉnh, thành phố có đường bờ biển, hệ thống cảng biển của Việt Nam trong nhiều năm qua đã không ngừng mở rộng và phát triển. Các cảng biển đóng vai trò là đầu mối giao thông đáp ứng yêu cầu xuất - nhập khẩu hàng hóa, tạo động lực phát triển kinh tế của đất nước.

- a) Hiện nay, giao thông đường biển đảm nhận chủ yếu việc giao thông vận tải trên các tuyến vận tải quốc tế của nước ta. **Hiểu**
- b) Giao thông đường biển ngày càng phát triển mạnh chủ yếu do dọc theo bờ biển nước ta đều có điều kiện thuận lợi để xây dựng cảng nước sâu. **Hiểu**
- c) Phát triển giao thông đường biển tạo động lực cho phát triển kinh tế, nhất là hoạt động thương mại. **Hiểu**
- d) Giao thông vận tải đường biển có khối lượng hàng hóa vận chuyển lớn nhất so với các loại hình vận tải khác. **Vận dụng**

CÂU	a	b	c	d
ĐÁP ÁN	Đ	S	Đ	S

PHẦN III. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển của ngành vận tải nước ta, năm 2015 và 2024

Năm	2015	2024
Khối lượng hàng hóa vận chuyển (triệu tấn)	1151,9	2575,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022 và năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết khối lượng hàng hóa vận chuyển của ngành vận tải nước ta năm 2024 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu triệu tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị). **Hiểu**

Đáp án: 1423

Câu 2: Năm 2024, vận tải đường hàng không của nước ta có số lượt hành khách vận chuyển là 52,1 triệu lượt người; số lượt hành khách luân chuyển là 88 218,3 triệu lượt người.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển hành khách trung bình của đường hàng không nước ta năm 2024 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị). **Hiểu**

Đáp án: 1693

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2020 và 2024

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2020	2024
Xuất khẩu	282,6	405,9
Nhập khẩu	262,8	381,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta năm 2024 so với năm 2020 đã tăng thêm bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị). **Vận dụng**

Đáp án: 242

Câu 4. Năm 2024, tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta là 2030538,3 nghìn tấn, trong đó loại hình kinh tế Nhà nước là 99902,5 nghìn tấn. Hãy cho biết năm 2024, tỉ lệ loại hình kinh tế Nhà nước trong tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo loại hình kinh tế của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Hiểu

Đáp án: 4,92

Câu 5. Năm 2024 tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam đạt 38,23 tỉ USD và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện đạt 25,35 tỉ USD. Hãy cho biết năm 2024, tỉ lệ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **Hiểu**

Đáp án: 66,3

Câu 6. Năm 2024, nước ta có trị giá xuất khẩu là 405,9 tỉ USD và trị giá nhập khẩu là 381,0 tỉ USD. Hãy cho biết năm 2024, cán cân thương mại của nước ta là bao nhiêu tỉ USD. **Hiểu**

Đáp án: 24,9

Câu 7. Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hoá vận chuyển của cả nước và ngành vận tải đường bộ năm 2015 và năm 2024
(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2024
Tổng số	1 151 895,7	2 575 279,4
Trong đó: Đường bộ	882 628,4	2 029 956,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển của ngành đường bộ nước ta năm 2024 so với năm 2015 đã tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **Vận dụng**

Đáp án: 2,2

Câu 8. Cho bảng số liệu:

DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH THEO GIÁ HIỆN HÀNH PHÂN THEO LOẠI HÌNH
KINH TẾ Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2018 - 2024
(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2024
Kinh tế Nhà nước	1,7
Kinh tế ngoài Nhà nước	68,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	8,4

(Nguồn: Cục thống kê năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng doanh thu du lịch lữ hành theo giá hiện hành của loại hình kinh tế ngoài Nhà nước ở nước ta năm 2024 chiếm tỉ trọng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **Vận dụng**

Đáp án: 87,2